

Số: 1123/QĐ-UBND

Chơn Thành, ngày 09 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước (phường Chơn Thành - đợt 07)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHƠN THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đình chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đình chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Công văn số 1019/TTg-KTN ngày 03/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước vào quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp của cả nước;



Căn cứ Công văn số 2162/TTg-KTN ngày 26/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 2615/QHPTTND-PTTĐ ngày 13/12/2024 của Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất về việc trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ về thủ tục đất đai đối với Dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt quy hoạch chung Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh phê duyệt phương án chung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án: Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước (giai đoạn 1: 4.500 ha); Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh mục 3, phần VI phương án chung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex- Bình Phước (giai đoạn 1:4.500 ha) kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc quy định hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân và hạn mức giao đất ở cho cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy chế phối hợp trong công tác đăng ký, cấp giấy chứng nhận; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng do tự khai hoang, không tranh chấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 2027/UBND-SX ngày 09/7/2008 của UBND tỉnh về việc thuận chủ trương thu hồi đất thực hiện dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ - UBND ngày 27/01/2021 của UBND huyện Chơn Thành về việc phê duyệt phương án bố trí tái định cư Dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;



Căn cứ Công văn số 920/SGTVT-HTGT ngày 08/10/2020 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước về việc ý kiến đối với hành lang lộ giới đường Hồ Chí Minh đoạn qua dự án Khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 88/UBND-KTNS ngày 03/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư công sau khi tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp tỉnh Đồng Nai được hình thành;

Căn cứ Công văn số 1084/UBND-KT ngày 13/3/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giải quyết các vướng mắc, khó khăn thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 1951/UBND-KTNS ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ) sau khi sáp nhập;

Căn cứ Công văn số 4053/UBND-KTNS ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng các quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại nhà, công trình xây dựng và giá bồi thường tài sản vật kiến trúc của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ) sau khi sáp nhập;

Căn cứ Công văn số 106/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai về việc chuyển đổi số tờ bản đồ địa chính các xã phường thuộc tỉnh Đồng Nai phục vụ công cho công tác sáp nhập theo Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15;

Căn cứ Công văn số 1271/UBND-KTNS ngày 21/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng bảng giá đất kể từ ngày 01/7/2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 1346/SoNNMT-ĐĐ ngày 25/7/2025 của Sở Nông Nghiệp và môi trường về hướng dẫn áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật sau khi sáp nhập tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 13/5/2025 của UBND thị xã Chơn Thành về kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước (Đối với phần diện tích đất chưa được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai ngày 18/01/2024);

Căn cứ Thông báo số 1996-TB/TU ngày 05/6/2025 của Thường trực thị ủy tại phiên họp thứ 175 - Khóa XII, ngày 03/6/2025 về việc thống nhất thu hồi Kết luận số 143-KL/TU ngày 01/01/2023 của Thường trực thị ủy;

Căn cứ Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND thị xã Chơn Thành về việc phê duyệt mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND phường Chơn Thành về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ đối với dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 409/UBND-KTN ngày 26/8/2025 của UBND phường Chơn Thành về việc thống nhất sử dụng phương án giá đất đã được Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể thị xã Chơn Thành (cũ) thẩm định trước ngày Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ có hiệu lực;

Trên cơ sở Công văn số 453/P.NNMT ngày 13/5/2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường thị xã Chơn Thành (cũ) về việc thông báo kết quả xác định giá đất cụ thể để làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước thuộc phường Minh Thành; Công văn số 430/TTPTQĐ.CNCT ngày 07/10/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước tại khu phố Minh Thành 1 và khu phố Minh Thành 4 phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (đợt 7 - diện tích 238.142,7m²);

Xét kiến nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 664/TTr-PKTHĐT ngày 08/10/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước (phường Chơn Thành - đợt 07), bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước tại địa bàn phường Chơn Thành theo quy định tại khoản 1, Điều 3, Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Có phương án kèm theo).

2. Bảng tổng hợp chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

(Có Bảng tổng hợp chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi kèm theo).

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành, Chủ đầu tư (Công ty Cổ phần phát triển Hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước) phổ biến, niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở UBND phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành có trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư (Công ty Cổ phần phát triển Hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước) và các cơ quan có liên quan chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được phê duyệt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Văn phòng HĐND và UBND phường có trách nhiệm đăng tải Quyết định này lên Trang thông tin điện tử của UBND phường.



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Giám đốc Công ty Cổ phần phát triển Hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND phường;
- Lãnh đạo Văn phòng, CV: KT, CNTT;
- Cổng thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, CV. Nhân.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tài

PHƯƠNG ÁN
BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP
VÀ DÂN CƯ BECAMEX – BÌNH PHƯỚC TẠI ĐỊA BÀN PHƯỜNG
CHƠN THÀNH (ĐỢT 07)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1123/QĐ-UBND ngày 09/10/2025
của UBND phường Chơn Thành)*

I. Căn cứ pháp lý:

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Công văn số 1019/TTg-KTN ngày 03/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước vào quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp của cả nước;



Công văn số 2162/TTg-KTN ngày 26/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Bình Phước;

Công văn số 2615/QHPTTND-PTTĐ ngày 13/12/2024 của Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất về việc trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ về thủ tục đất đai đối với Dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước, tỉnh Bình Phước;

Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2025;

Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt quy hoạch chung Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 16/4/2025 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh phê duyệt phương án chung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án: Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước (giai đoạn 1: 4.500 ha); Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh mục 3, phần VI phương án chung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex- Bình Phước (giai đoạn 1:4.500 ha) kèm theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh;

Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước, giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024;

Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc quy định hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân và hạn mức giao đất ở cho cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh;

Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy chế phối hợp trong công tác đăng ký, cấp giấy chứng nhận; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc quy định hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng do tự khai hoang, không tranh chấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Công văn số 2027/UBND-SX ngày 09/7/2008 của UBND tỉnh về việc thuận chủ trương thu hồi đất thực hiện dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Quyết định số 577/QĐ - UBND ngày 27/01/2021 của UBND huyện Chơn Thành về việc phê duyệt phương án bố trí tái định cư Dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Công văn số 920/SGTVT-HTGT ngày 08/10/2020 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước về việc ý kiến đối với hành lang lộ giới đường Hồ Chí Minh đoạn qua dự án Khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước;

Công văn số 88/UBND-KTNS ngày 03/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư công sau khi tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp tỉnh Đồng Nai được hình thành;

Công văn số 1084/UBND-KT ngày 13/3/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giải quyết các vướng mắc, khó khăn thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Công văn số 1951/UBND-KTNS ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ) sau khi sáp nhập;

Công văn số 4053/UBND-KTNS ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng các quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại nhà, công trình xây dựng và giá bồi thường tài sản vật kiến trúc của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ) sau khi sáp nhập;

Công văn số 106/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai về việc chuyển đổi sổ tờ bản đồ địa chính các xã phường thuộc tỉnh Đồng Nai phục vụ công cho công tác sáp nhập theo Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15;

Công văn số 1271/UBND-KTNS ngày 21/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng bảng giá đất kể từ ngày 01/7/2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Công văn số 1346/SoNNMT-ĐĐ ngày 25/7/2025 của Sở Nông Nghiệp và môi trường về hướng dẫn áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật sau khi sáp nhập tỉnh;

Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 13/5/2025 của UBND thị xã Chơn Thành về kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước (Đối với phần diện tích đất chưa được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai ngày 18/01/2024);

Thông báo số 1996-TB/TU ngày 05/6/2025 của Thường trực thị ủy tại phiên họp thứ 175 - Khóa XII, ngày 03/6/2025 về việc thống nhất thu hồi Kết luận số 143-KL/TU ngày 01/01/2023 của Thường trực thị ủy;

Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND thị xã Chơn Thành về việc phê duyệt mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND phường Chơn Thành về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ đối với dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Công văn số 409/UBND-KTN ngày 26/8/2025 của UBND phường Chơn Thành về việc thống nhất sử dụng phương án giá đất đã được Hội đồng thẩm định

giá đất cụ thể thị xã Chơn Thành (cũ) thẩm định trước ngày Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ có hiệu lực;

Trên cơ sở Công văn số 453/P.NNMT ngày 13/5/2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường thị xã Chơn Thành (cũ) về việc thông báo kết quả xác định giá đất cụ thể để làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước thuộc phường Minh Thành; Công văn số 430/TTPTQĐ.CNCT ngày 07/10/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành về việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước tại khu phố Minh Thành 1 và khu phố Minh Thành 4 phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (đợt 7 - diện tích 238.142,7m²).

II. Số Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án: 12 hộ gia đình, cá nhân, gồm 16 thửa đất.

III. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc của đất thu hồi; số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại:

1. Vị trí: Dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước tại phường Chơn Thành.

2. Tổng diện tích đất: 238.142,7m² (đất nông nghiệp và đất ở), trong đó:

- Diện tích đất ở: 1.100 m².
- Diện tích đất trồng cây lâu năm: 232.672,8 m².
- Diện tích đất trồng lúa nước còn lại: 1.148,4 m².
- Diện tích đất nuôi trồng thủy sản: 3.221,5 m².

3. Địa điểm: Khu phố Minh Thành 1 và khu phố Minh Thành 2, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai.

4. Loại đất: Đất nông nghiệp và đất ở.

5. Nguồn gốc đất: Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6. Số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại: Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành lập. Biên bản họp xét duyệt hồ sơ của các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi dự án Khu Công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước ngày 03/7/2019; ngày 10/7/2019; ngày 08/5/2020, ngày 30/10/2020, ngày 11/12/2020, ngày 22/10/2020; ngày 02/4/2021; ngày 19/5/2021, ngày 25/8/2021, ngày 21/10/2022, ngày 13/6/2023; ngày 30/5/2024, ngày 27/5/2025 và biên bản xét duyệt bổ sung ngày 17/03/2020; ngày 05/2/2020; ngày 07/01/2021; ngày 09/4/2021; ngày 14/10/2021; ngày 18/3/2022 của UBND phường Minh Thành (cũ).

IV. Giá đất tính bồi thường, giá nhà, công trình tính bồi thường, số nhân khẩu, số lao động trong độ tuổi, số lượng người được hưởng trợ cấp xã hội; chính sách hỗ trợ:

1. Đơn giá bồi thường đất: Thực hiện theo điểm b khoản 14 Điều 1 Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Công văn số 409/UBND-KTN ngày 26/8/2025 của UBND phường Chơn Thành về việc thống nhất sử dụng phương án giá đất đã được Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể thị xã Chơn Thành (cũ) thẩm định trước ngày Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ có hiệu lực và Công văn số 453/P.NNMT ngày 13/5/2025 của Phòng Nông nghiệp và Môi trường thị xã Chơn Thành (cũ) về việc thông báo kết quả xác định giá đất cụ thể để làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex- Bình Phước thuộc phường Minh Thành, đơn giá đất cụ thể:

TT	Hạng mục	Hệ số điều chỉnh (lần)	Giá đất (đồng/m ²)	
			Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 hoặc quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh	Cụ thể
PHƯỜNG MINH THÀNH - KHU VỰC 1				
I	Giá đất trồng cây lâu năm			
1	Vị trí 2 - Xác định theo đường Minh Thành – An Long – Đoạn từ hết đất nhà bà Lê Thị Gái (Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 33) đến ranh giới xã An Long, Phú Giáo, Bình Dương)			
a)	Phạm vi 1	2,52	197.000	496.000
b)	Phạm vi 2	2,52	152.000	383.000
2	Vị trí 3			
a)	Phạm vi 1	1,00	179.000	179.000
b)	Phạm vi 2, 3	1,00	152.000	152.000
3	Vị trí 4	1,00	152.000	152.000
II	Giá đất trồng cây hằng năm			
1	Vị trí 3			
a)	Phạm vi 1	1,00	130.000	130.000
b)	Phạm vi 2	1,00	110.000	110.000
2	Vị trí 4	1,00	110.000	110.000
III	Giá đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	2,45	30.000	74.000
IV	Giá đất ở đô thị			
1	Đường Minh Thành – An Long – Đoạn từ hết đất nhà bà Lê Thị Gái (Thửa đất số 198, tờ bản đồ số 33) đến ranh giới xã An Long, Phú Giáo, Bình Dương			
a)	Phạm vi 1	1,71	2.000.000	3.420.000
b)	Phạm vi 2	1,71	1.000.000	1.710.000
c)	Phạm vi 3	1,71	800.000	1.368.000

TT	Hạng mục	Hệ số điều chỉnh (lần)	Giá đất (đồng/m ²)	
			Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 hoặc quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh	Cụ thể
2	Đường nhựa, đường bê tông còn lại chưa được quy định cụ thể ở các mục trên - Phạm vi 1	1,00	620.000	620.000
3	Các tuyến đường đất còn lại			
a)	Phạm vi 1	1,00	590.000	590.000
b)	Phạm vi 2, 3	1,00	400.000	400.000
4	Thuộc các vị trí còn lại: Thửa đất không tiếp giáp đường giao thông – Phạm vi từ trên 25m đến 50m xác định theo các tuyến đường còn lại: Toàn tuyến	1,00	400.000	400.000
5	Thuộc các vị trí còn lại: Thửa đất không tiếp giáp đường giao thông – Phạm vi từ trên 50m đến 100m xác định theo các tuyến đường còn lại: Toàn tuyến	1,00	400.000	400.000
6	Thuộc các vị trí còn lại: Thửa đất không tiếp giáp đường giao thông – Phạm vi từ trên 100m đến 200m xác định theo các tuyến đường còn lại: Toàn tuyến	1,00	400.000	400.000
7	Thuộc các vị trí còn lại: Thửa đất không tiếp giáp đường giao thông - Phạm vi từ trên 200m xác định theo các tuyến đường còn lại: Toàn tuyến	1,00	400.000	400.000

2. Khu vực, vị trí, phạm vi, loại đường phố của thửa đất: Theo trích lục, trích đo địa chính thửa đất, phiếu xác định thông tin đất đai và bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của từng thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Chơn Thành thực hiện và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.

3. Đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và cây trồng trên đất: Thực hiện theo Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND phường Chơn Thành về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ đối với dự án Khu Công nghiệp và Dân cư Becamex-Bình Phước và Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về đơn giá bồi

thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ) và Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ); khoản 3 Điều 11 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND thị xã Chơn Thành về việc phê duyệt mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex- Bình Phước: “*Phê duyệt mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp theo hình thức bằng tiền thuộc dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước bằng 0,3 lần đơn giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất hiện hành của UBND tỉnh đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; diện tích hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương*”.

a) Hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú tại phường Chơn Thành: **04** hộ gia đình, cá nhân gồm **06** thửa đất (Theo xác nhận của UBND xã Minh Thành (cũ) tại biên bản xét duyệt ngày 22/10/2020; ngày 11/12/2020; ngày 18/3/2022; ngày 30/5/2024; ngày 02/4/2021; ngày 25/8/2021 và biên bản xét duyệt bổ sung ngày 14/10/2021; ngày 21/10/2022), trong đó:

- Số hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp: **04** hộ gia đình, cá nhân gồm **06** thửa đất.

b) Hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu thường trú ngoài địa bàn phường Chơn Thành: **08** hộ gia đình, cá nhân gồm **10** thửa đất, trong đó:

- Số hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp: **01** hộ gia đình, cá nhân gồm **01** thửa đất (Theo Công văn số 10/UBND ngày 26/5/2025 của UBND xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình).

- Số hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp: **07** hộ gia đình, cá nhân gồm **09** thửa đất (Do Công an cấp xã nơi hộ gia đình, cá nhân thường trú chưa có ý kiến xác nhận tại điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ).

*** Số hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ: 01 hộ gia đình, cá nhân gồm 01 thửa đất.**

5. Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề: Thực hiện theo Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; khoản 2 Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ); Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND phường Chơn Thành.

Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề cho trường hợp người trong độ tuổi lao động trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nhu cầu nhận hỗ trợ bằng tiền là **5.000.000 đồng/người (năm triệu đồng/người)**.

*** Số lao động được hỗ trợ: Không.**

6. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước (cũ);

Thực hiện theo Báo cáo số 335/BC-CTK ngày 27/6/2025 của Cục thống kê tỉnh Bình Phước (cũ) về giá và chỉ số giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 06 năm 2025. Giá gạo tẻ thường trung bình tháng 6/2025 là: 23.508đồng/kg (*Nhân khẩu được hỗ trợ số tiền tương đương 30kg gạo/tháng theo giá gạo trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương*).

Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu/tháng: 23.508đồng/kg x 30kg gạo/tháng = 705.240 đồng/tháng.

*** Số nhân khẩu được hỗ trợ: Không.**

7. Khen thưởng: Thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

*** Số hộ gia đình, cá nhân được khen thưởng: 02 hộ gia đình, cá nhân.**

V. Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác Bồi thường, hỗ trợ và lập hồ sơ dự án theo chính sách quy định của Nhà nước là 55.571.267.578 đồng, trong đó:

1) Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ là 54.215.870.808 đồng, trong đó:

- Bồi thường về đất:	45.615.533.100 đồng
- Bồi thường nhà, công trình phụ:	2.476.726.171 đồng
- Bồi thường cây trồng:	5.814.411.037 đồng
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:	269.200.500 đồng
- Khen thưởng:	40.000.000 đồng

2) Tổng chi phí phục vụ công tác BTHT 2,5% là 1.355.396.770 đồng.

(Kèm theo bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết của từng người có đất thu hồi dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước tại phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai (Đợt 7))

VI. Phương án bố trí tái định cư: Thực hiện theo Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của UBND huyện Chơn Thành về việc phê duyệt phương án bố trí tái định cư dự án Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước.

- Tổng diện tích đất ở thu hồi là **1.100 m²** của **04** hộ gia đình, cá nhân gồm **04** thửa đất, cụ thể:

+ Có **02** hộ gia đình, cá nhân gồm **02** thửa đất, diện tích đất ở thu hồi là **600m²** không nhận đất ở tái định cư. Lý do: Bà Nguyễn Thị Thanh An (người

nhận ủy quyền theo pháp luật của Nguyễn Thị Mỹ Chi và hộ bà Nguyễn Thị Tài) có biên bản cam kết không nhận đất tái định cư.

+ Có **02** hộ gia đình, cá nhân gồm **02** thửa đất, diện tích đất ở thu hồi là **500m²** được bố trí tái định cư. Lý do: Chủ sử dụng có đơn đề nghị nhận đất tái định cư.

- Dự kiến số lô được bố trí tái định cư: **04** ô.
- Địa điểm bố trí tái định cư: cụm TĐC khu dân cư ấp 1, xã Minh Thành (nay thuộc phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai).
- Hình thức tái định cư: Cấp tái định cư bằng đất ở.
- Giá thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư: Theo quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Đất đai 2024.

VII. Nguồn kinh phí thực hiện dự án: Kinh phí tại Mục V Phương án này do Chủ đầu tư ứng trước theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

VIII. Tiến độ thực hiện phương án: Dự kiến thời gian thực hiện giải phóng mặt bằng hết quý IV năm 2025./.

BẢNG TỔNG HỢP CÁC PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CỦA TỪNG NGƯỜI CÓ ĐẤT THU HỒI

Dự án Khu công nghiệp và dân cư Becamex - Bình Phước (Phường Chơn Thành - Đợt 7)

Kèm theo Quyết định số 1123/QĐ-UBND ngày 09/10/2025 của UBND phường Chơn Thành



STT	Số BB-GT/THHT	Họ và tên	Địa chỉ chủ sử dụng	Địa chỉ thửa đất	Số CCCD/CC	Thông tin thửa đất thu hồi						A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định										Tái định cư		
						Số thửa	Số tờ BĐ	Số tờ BĐ (Theo CV số 106/VPK-KTĐC ngày 08/7/2025 của VP ĐKĐĐ)	Diện tích đất thu hồi			Đất (đồng)	Nhà, công trình (đồng)	Cây trồng (đồng)	Vật nuôi (đồng)	Di chuyển (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống thu hồi đất nông nghiệp (đồng)	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (đồng)	Khen thưởng (đồng)	Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định (đồng)	Tổng số ô được bố trí (ô)	Bố trí tại cụm TĐC - khu dân cư ấp 1 Minh Thành (nay là phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai)
									Tổng đất thu hồi (m ²)	Đất ở thu hồi (m ²)	Đất NN thu hồi (m ²)													
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)
1	Số: 58-MT /PACT-BCM	Vũ Văn Ngọc	Xã Ngọc Lâm, tỉnh Hưng Yên	Khu phố Minh Thành 2	034087011673	23	49	168	4.655,0	100	4.555,0	2.601.280.000	504.850.560	154.669.200	0	0	269.200.500	0	0	0	20.000.000	3.550.000.260	1	1
2	Số: 59-MT /PACT-BCM	Ông Nguyễn Văn Hoà và bà Đinh Thị Mỹ Tiên	Phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai	Khu phố Minh Thành 2	045072010910 092178005603	25	50	169	17.817,5	0	17.817,5	3.189.332.500	14.668.779	460.408.000	0	0	0	0	0	0	0	3.664.409.279	0	0
3	Số: 60-MT /PACT-BCM	Ông Nguyễn Văn Hoà và bà Đinh Thị Mỹ Tiên	Phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai	Khu phố Minh Thành 2	045072010910 092178005603	1	51	170	2.523,4	0	2.523,4	451.688.600	0	65.240.000	0	0	0	0	0	0	0	516.928.600	0	0
4	Số: 61-MT /PACT-BCM	Hộ bà Phạm Thị Huyền Trang	Khu phố Hiếu Cầm, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	Khu phố Minh Thành 2	038184034747	162	50	169	1.148,4	0	1.148,4	126.324.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	126.324.000	0	0
5	Số: 62-MT /PACT-BCM	Hộ bà Phạm Thị Huyền Trang	Khu phố Hiếu Cầm, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	Khu phố Minh Thành 2	038184034747	163	50	169	3.221,5	0	3.221,5	238.391.000	51.439.500	62.929.680	0	0	0	0	0	0	0	352.760.180	0	0
6	Số: 63-MT /PACT-BCM	Hộ bà Phạm Thị Huyền Trang	Khu phố Hiếu Cầm, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	Khu phố Minh Thành 2	038184034747	167	50	169	11.443,1	0	11.443,1	2.048.314.900	119.279.640	320.230.320	0	0	0	0	0	0	0	2.487.824.860	0	0
7	Số: 64-MT /PACT-BCM	Ông Phạm Văn Tao (Nhân chuyển nhượng từ ông Nguyễn Minh Hiền theo hợp đồng số 007283, quyền số 03/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/3/2021 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cấp nhật số địa chính ngày 01/7/2021 tại trang 10, quyền 2 Becamex Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Phường Chánh Phú Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Minh Thành 2	038075035326	9	53	172	5.011,9	0	5.011,9	761.808.800	0	55.608.000	0	0	0	0	0	0	0	817.416.800	0	0
8	Số: 65-MT /PACT-BCM	Bà Đặng Thị Thắm (Nhân chuyển nhượng từ bà Trần Thị Kim Hoa và ông Nguyễn Văn Đức theo hợp đồng số 002146 quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/3/2018 tại Văn phòng công chứng Gia Khang. Đã cấp nhật số địa chính ngày 03/4/2018 tại trang 22, quyền 1 Becamex Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Xã An Long, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Minh Thành 1	038174013555	36	57	175	23.539,5	0	23.539,5	4.213.570.500	17.685.942	728.366.720	0	0	0	0	0	0	0	4.959.623.162	0	0
9	Số: 66-MT /PACT-BCM	Ông Phạm Văn Tao (Nhân chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Thơ theo hợp đồng số 017530, quyền số 06/2021/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/6/2021 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cấp nhật số địa chính ngày 25/8/2021 tại trang 10, quyền 2 xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Phường Chánh Phú Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Minh Thành 1	038075035326	22	58	58	6.488,7	0	6.488,7	1.161.477.300	59.264.465	167.760.000	0	0	0	0	0	0	0	1.388.501.765	0	0
10	Số: 67-MT /PACT-BCM	Bà Nguyễn Thị Mỹ Chi (Nhân thừa kế từ ông Lê Văn Nam và bà Nguyễn Thị Mỹ Chi theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 014020, quyền số 07/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/7/2018 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cấp nhật số địa chính ngày 22/10/2021 tại Trang 51, quyền 01 Becamex Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Khu phố Trung Lợi, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	Khu phố Minh Thành 1	070170000206	23	63	179	68.301,8	400	67.901,8	12.390.422.200	531.969.610	1.428.372.000	0	0	0	0	0	0	0	14.350.763.810	0	0
11	Số: 68-MT /PACT-BCM	Ông Phan Văn Kiên (Nhân chuyển nhượng từ bà Lê Thị Phương theo hợp đồng số 004333, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/4/2018 tại Văn phòng công chứng Gia Khang. Đã cấp nhật số địa chính ngày 27/4/2018 tại trang 08, quyền Becamex Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Xã Bàu Bàng, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Minh Thành 1	024077017266	26	63	179	10.615,8	0	10.615,8	1.613.601.600	0	275.146.000	0	0	0	0	0	0	0	1.888.747.600	0	0
12	Số: 69-MT /PACT-BCM	Ông Lê Tiến Hải (Nhân chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Thân và bà Ngô Tú Phương theo hợp đồng số 001511, quyền số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/01/2018 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cấp nhật số địa chính ngày 18/9/2020 tại trang 06, quyền 2 Becamex Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Phường Phú Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Minh Thành 1	040078014302	36	63	179	13.671,2	0	13.671,2	2.078.022.400	78.276.636	423.890.240	0	0	0	0	0	0	0	2.580.189.276	0	0

STT	Số BB-GTBTHT	Họ và tên	Địa chỉ chủ sử dụng	Địa chỉ thửa đất	Số CCCD/CC	Thông tin thửa đất thu hồi						A. Giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định											Tái định cư	
						Số thửa	Số tờ ĐĐ	Số tờ ĐĐ (Theo CV số 106/VPĐK-KTĐC ngày 08/7/2025 của VP ĐKDD)	Diện tích đất thu hồi			Đất (đồng)	Nhà, công trình (đồng)	Cây trồng (đồng)	Vật nuôi (đồng)	Di chuyển (đồng)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng)	Hỗ trợ đào tạo nghề, học nghề (đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống thu hồi đất nông nghiệp (đồng)	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (đồng)	Khen thưởng (đồng)	Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định (đồng)	Tổng số ô được bố trí (ô)	Bố trí tại cụm TĐC - khu dân cư áp 1 Minh Thành (nay là phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai)
									Tổng đất thu hồi (m ²)	Đất ở thu hồi (m ²)	Đất NN thu hồi (m ²)													
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)
13	Số: 70-MT/PACT-BCM	Hồ bà Nguyễn Thị Tài	Khu phố Hiếu Cầm, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	Khu phố Minh Thành 1	070161000779	41	63	179	27.307,5	200	27.107,5	4.970.242.500	533.668.540	667.579.000	0	0	0	0	0	0	0	6.171.490.040	0	0
14	Số: 71-MT/PACT-BCM	Bà Nguyễn Thị Xuân Thủy (Nhân chuyển nhượng từ ông Trần Xuân Chiến theo hợp đồng số 0012420, quyền số 07/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/7/2020 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cấp nhật Sổ địa chính ngày 16/7/2020 tại trang 98, quyền 2 Becamex Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Khu phố Minh Thành 3, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	Khu phố Minh Thành 2	070303009047	4	65	181	6.270,5	400	5.870,5	4.279.768.000	538.113.969	180.738.800	0	0	0	0	0	0	20.000.000	5.018.620.769	3	3
15	Số: 72-MT/PACT-BCM	Ông Lê Long Hồ (Nhân chuyển nhượng từ bà Lữ Thị Hương và ông Nguyễn Văn Huệ theo hợp đồng chuyển nhượng số 002276, quyền số 01/2018/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/01/2018 tại Văn phòng công chứng Chơn Thành. Đã cấp nhật Sổ địa chính ngày 30/01/2018 tại Trang 22, quyền Becamex Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Minh Thành 1	074077001022	31	66	182	6.001,4	0	6.001,4	912.212.800	0	155.178.000	0	0	0	0	0	0	0	1.067.390.800	0	0
16	Số: 73-MT/PACT-BCM	Ông Nguyễn Văn Toàn (Nhân chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Tèo và bà Đặng Thị Phụng theo hợp đồng số 004322, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/4/2018 tại Văn phòng công chứng Gia Khang. Đã cấp nhật sổ địa chính ngày 27/4/2018 tại trang 36, quyền Becamex Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)	Xã Bàu Bàng, Thành phố Hồ Chí Minh	Khu phố Minh Thành 1	026080003922	47	66	182	30.125,5	0	30.125,5	4.579.076.000	27.508.530	668.295.077	0	0	0	0	0	0	0	5.274.879.607	0	0
Tổng						16			238.142,7	1.100	237.042,7	45.615.533.100	2.476.726.171	5.814.411.037	0	0	269.200.500	0	0	0	40.000.000	54.215.870.808	4	4